

NGÀNH KHOA HỌC DỮ LIỆU

Mã ngành: 7460108

CHI TIẾT CHUYÊN NGÀNH

Ngành Khoa Học Dữ Liệu (KHDL) tại trường Đại học Quốc Tế, ĐH Quốc Gia – Tp.HCM là ngành đầu tiên được mở đào tạo bậc Đại học tại Việt Nam nhằm đáp ứng các nhu cầu cấp thiết nhân lực phân tích dữ liệu lớn trong doanh nghiệp hiện nay. Ngành KHDL được thiết kế và giảng dạy bởi Khoa CNTT, Trường Đại Học Quốc Tế, với đội ngũ giảng viên gồm 13 giảng viên cơ hữu đúng chuyên ngành, 10 giảng viên có học vị Tiến sĩ, và 3 giảng viên có học vị Thạc sĩ, có thể đảm bảo được 100% các môn thuộc chuyên ngành Khoa học dữ liệu. Ngoài ra ngành đào tạo này còn có sự phối hợp giữa Khoa CNTT với các Khoa – Bộ môn có liên quan khác trong trường, bao gồm Bộ môn Kỹ thuật hệ thống công nghiệp, Kỹ thuật y sinh, và Khoa Công Nghệ Sinh Học, để hỗ trợ các môn chuyên ngành tự chọn.

Thông tin chi tiết

Ngành Khoa học Dữ liệu đào tạo ra các cử nhân có: nền tảng kiến thức cơ bản vững chắc về quản lý, xử lý và phân tích dữ liệu lớn; kiến thức chuyên ngành sâu và rộng về Khoa học Dữ liệu trong các hệ thống thông tin; kiến thức về hội nhập, khởi nghiệp; các kỹ năng mềm cần thiết; khả năng tự học hoặc tham gia các khóa bồi dưỡng để nắm bắt các công nghệ mới; đủ khả năng học tiếp sau đại học trong và ngoài nước.

Mục tiêu đào tạo

Cử nhân Khoa học Dữ liệu (Mã Ngành: 7480109)

Ngành Khoa học Dữ liệu đào tạo ra các cử nhân có: nền tảng kiến thức cơ bản vững chắc về quản lý, xử lý và phân tích dữ liệu lớn; kiến thức chuyên ngành sâu và rộng về Khoa học Dữ liệu trong các hệ thống thông tin; kiến thức về hội nhập, khởi nghiệp; các kỹ năng mềm cần thiết; khả năng tự học hoặc tham gia các khóa bồi dưỡng để nắm bắt các công nghệ mới; đủ khả năng học tiếp sau đại học trong và ngoài nước.

Sau khi tốt nghiệp, cử nhân Khoa học Dữ liệu có thể làm các công việc phân tích dữ liệu, thiết kế và phát triển các phần mềm khai thác dữ liệu thông minh cho các doanh nghiệp, cơ quan, viện nghiên cứu hay các công ty phát triển phần mềm.

Cơ hội nghề nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, cử nhân Khoa học Dữ liệu có thể làm các công việc phân tích dữ liệu, thiết kế và phát triển các phần mềm khai thác dữ liệu thông minh cho các doanh nghiệp, cơ quan, viện nghiên cứu hay các công ty phát triển phần mềm.

Chuẩn đầu ra

Kiến thức và lập luận ngành

(i) nền tảng kiến thức cơ bản vững chắc về quản lý, xử lý và phân tích dữ liệu lớn bao gồm khía cạnh lý thuyết và ứng dụng.

(ii) kiến thức chuyên ngành sâu và rộng về khoa học dữ liệu và hệ thống thông tin. Có kỹ năng giải quyết vấn đề để phân tích, tối ưu và thiết kế các hệ thống thông tin thông qua việc phân tích dữ liệu lớn. Có khả năng thiết kế, phát triển và tích hợp hệ thống thông tin cho các ứng dụng kỹ thuật liên quan đến phân tích dữ liệu lớn. Có khả năng giải quyết các vấn đề liên ngành về kỹ thuật, xã hội, chính trị và kinh tế.

Kỹ năng và phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp

(iii) kiến thức về hội nhập và khởi nghiệp. Có ý thức bảo vệ môi trường, thiết kế và vận hành các hệ thống thân thiện môi trường.

Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp

(iv) các kỹ năng mềm cần thiết và giải quyết vấn đề. Có khả năng làm việc nhóm, khả năng lãnh đạo và kỹ năng quản lý. Có khả năng giao tiếp và làm việc chuyên môn bằng tiếng Anh (ở mức thành thạo).

(v) Có nhận thức rõ về tính chuyên nghiệp, đạo đức nghề nghiệp và ý thức trách nhiệm đối với bản thân và xã hội. Có phẩm chất chính trị tốt, sống và làm việc tuân theo pháp luật của nhà nước Việt Nam.

Năng lực thực hành nghề nghiệp

(vi) khả năng tự học và nghiên cứu hoặc tham gia các khóa bồi dưỡng để nắm bắt các công nghệ mới.

(vii) đủ năng lực học tiếp sau đại học trong và ngoài nước.

Đội ngũ giảng viên

| | Tiến sĩ | Thạc sĩ | Tổng cộng |
|------------------|---------|---------|-----------|
| Khoa CNTT | 10 | 3 | 13 |

Table 1

| STT | | Vị trí | Diện tích (m ²) |
|-----|---------------------------------|---------|-----------------------------|
| I | Khoa CNTT | | |
| | Phòng Nghiên cứu sinh viên | LA1-604 | 60 |
| | Phòng TN CNTT | LA1-605 | 60 |
| | Phòng TN CNTT | LA1-606 | 60 |
| | Phòng TN CNTT | LA1-607 | 60 |
| | Phòng TN CNTT | LA1-608 | 60 |
| II | Đào tạo CƠ BẢN | | |
| 1 | Phòng thí nghiệm anh ngữ | | |
| | Phòng thí nghiệm anh ngữ 1 | LA1-507 | 60 |
| | Phòng thí nghiệm anh ngữ 2 | LA1-508 | 60 |
| | Phòng thí nghiệm anh ngữ 3 | LA1-509 | 90 |
| 2 | PTN Vật lý | LA1-403 | 60 |

Table 2